

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 137 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2018

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Nguyễn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Như H, sinh năm: 1990

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Ngọc H, sinh năm: 1989

Cùng địa chỉ: K 43/25 đường Nguyễn N, tổ 16A, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng.

(Hai bên đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Như H trình bày:*

Bà và ông Đoàn Ngọc H kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà sống ở nhiều nơi, đến tháng 5/2016 thì làm nhà sống tại địa chỉ K43/25 đường Nguyễn N, tổ 16A, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không chăm lo cho gia đình, đôi lúc có những hành động và lời lẽ xúc phạm bà H. Đồng thời, giữa bà H và gia đình ông H có xảy ra mâu thuẫn. Bà và ông H đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà H nhận thấy bà và ông H không sống chung được với nhau, không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đoàn Ngọc Như H, sinh ngày 29/3/2016 và Đoàn Mạnh H, sinh ngày 05/12/2017. Ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 23/3/2018, phiên hòa giải ngày 05/4/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Đoàn Ngọc H trình bày:*

Ông thống nhất thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như bà H trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp từ đó giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã, gây gổ. Vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 6/2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà H trình bày. Ly hôn ông H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Ngọc Như H, sinh ngày 29/3/2016; giao con chung tên Đoàn Mạnh H, sinh ngày 05/12/2017 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Như H và ông Đoàn Ngọc H kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà sống ở nhiều nơi, đến tháng 6/2017 thì vợ chồng mua đất làm nhà ở tại địa chỉ K43/25 đường Nguyễn N, tổ 16A, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không chăm lo cho gia đình, đôi lúc có những hành động và lời lẽ xúc phạm bà H. Đồng thời, giữa bà H và gia đình ông H có mâu thuẫn. Bà và ông H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà H nhận thấy bà và ông H không sống chung được với nhau, không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Còn theo ông H nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu nhau nên bà H yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Xét thấy: Bà H và ông H phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2017 và không sống chung với nhau từ tháng 6 /2017, mỗi người một nơi, không ai có trách nhiệm với ai, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Như H và ông Đoàn Ngọc H là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung : Bà H và ông H có 02 con chung tên Đoàn Ngọc Như H, sinh ngày 29/3/2016 và Đoàn Mạnh H, sinh ngày 05/12/2017. Ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Còn ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn

Ngọc Như H, sinh ngày 29/3/2016; giao con chung tên Đoàn Mạnh H, sinh ngày 05/12/2017 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng cho ai.

Xét hai cháu Đoàn Ngọc Như H, sinh ngày 29/3/2016 và Đoàn Mạnh H, sinh ngày 05/12/2017, hiện nay cả 02 cháu đều dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, giao 02 con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà H và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về nợ chung: Bà H và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Như H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai thu số 0000292 ngày 13/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81,82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Như H và ông Đoàn Ngọc H.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên Đoàn Ngọc Như H, sinh ngày 29/3/2016 và Đoàn Mạnh H, sinh ngày 05/12/2017 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Như H phải chịu

là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai thu số 0000292 ngày 13/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình.

6. Hai bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Q, huyện L, tỉnh Quảng Nam;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Thuận Tây,
quận Hải Châu, tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Chị Hằng chú ý tính tiền định giá nhé)

1. Nhà và đất số 142 Hà Huy Giáp, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:

Tiền định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín là 7.480.000đ (bà Đan tạm ứng)

Tiền xem xét 2.000.000 đồng (bà Đan tự nguyện chịu)

2. Toàn bộ vật kiến trúc ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 75m² và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 53,3m; cùng địa chỉ: K36/18 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông Duyên).

Tiền định giá theo giá nhà nước và xem xét là 3.000.000đ (bà Đan nộp có biên lai của Tòa)

3. Công trình xây dựng trên thửa đất (Giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 123, tờ bản đồ số 48, diện tích đất 101,4m²; địa chỉ: H68/5 K634 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của bà Đan).

Tiền định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá BTC Value là 4.00.000đ (ông Duyên tạm ứng)

Tiền xem xét 2.000.000đ (ông Duyên nộp có biên lai của Tòa)

Ly hôn ông Duyên có ý kiến sau: Năm 2006, bà Nguyễn Thị Vân đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông với giá là 300.000.000đồng, vợ chồng ông trả dần cho đến tháng 5/2017 mới trả xong hai bên làm thủ tục sang tên trước bạ và được UBND quận Cẩm Lệ cấp giấy CNQSDĐ ngày 31/5/2007.

Ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 142 Hà Huy Giáp, thành phố Đà Nẵng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 123005 do UBND quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp đứng tên ông Nguyễn Văn Duyên và bà Nguyễn Thị Đan (đã được chỉnh lý ngày 13/8/2007). Tuy nhiên, xét thấy công sức đóng góp của ông Duyên vào khối tài sản trên nhiều hơn bà Đan. Điều này được thể hiện ở chỗ: Ông Duyên và bà Đan kết hôn vào ngày 05/9/2005, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng của ông Duyên tại đường Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, sau khi kết hôn được 01 tháng, lúc này bà Đan đang mang thai, sức khỏe yếu, phải nằm dưỡng thai tại bệnh viện cho đến khi sinh con. Sau khi bà Đan sinh con được 06 tháng, vợ chồng mâu thuẫn bà Đan đem

con là cháu Giang về sống nhà riêng của bà Đan tại đường Trung Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian này, về kinh tế phần ai tự người đó lo. Trong thời gian này, ông Duyên bán quán cháo lòng tại nhà riêng. Tháng 9/2009, bà Đan bị bệnh ung thư vú nên phải đi điều trị tại bệnh viện K Hà Nội đến tháng 10/2010 bà Đan về lại nhà riêng của ông Duyên sống, đến tháng 02/2011 thì xây dựng ngôi nhà tại đường Hà Huy Giáp.

Do công sức đóng góp của ông Duyên nhiều hơn nên HĐXX chia cho ông Thanh 60% giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất là: $2.253.357.000\text{đồng} \times 60\% = 1.352.014.200\text{đ}$ chia cho bà Đan 40% giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất là: $2.253.357.000\text{đồng} \times 40\% = 901.342.800\text{đ}$.